

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: CÔNG NGHỆ SỢI, DỆT

Mã số: 7540202

(Ban hành theo quyết định số 613a/ĐHKTKTCN ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

HÀ NỘI - 2022

MỤC LỤC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo.....	4
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo.....	4
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo	5
2. Mục tiêu của chương trình đào tạo	5
2.1. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường.....	5
2.2. Mục tiêu đào tạo	6
3. Chuẩn đầu ra	8
3.1. Kiến thức	8
3.2. Kỹ năng	9
3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	10
3.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp	10
3.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường.....	10
3.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo	10
4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo	11
5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp.....	11
5.1 Thông tin tuyển sinh.....	11
5.2. Điều kiện tốt nghiệp	11
6. Phương pháp giảng dạy và học tập.....	12
6.1. Các phương pháp dạy và học áp dụng trong chương trình đào tạo:.....	12
6.2. <i>Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của CTĐT và phương pháp dạy – học</i>	15
7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá	16
7.1. Các hình thức đánh giá.....	16
7.2 Điểm đánh giá học phần.....	17
8. Cấu trúc chương trình đào tạo.....	19
8.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 155 tín chỉ (<i>Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC)</i>).....	19
8.2. Nội dung chương trình đào tạo.....	20
8.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến.....	22

9. Ma trận đóng góp của các học phần theo yêu cầu năng lực của chuẩn đầu ra	27
10. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo	33
11. Mô tả tóm tắt học phần	36
11.1. Kiến thức giáo dục đại cương (46TC).....	36
13.1. Đối sánh khung chương trình đào tạo	61
14. Hướng dẫn thực hiện.....	67



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số 613a/ĐHKTKTCN ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo kỹ sư Công nghệ sợi, dệt là chương trình đào tạo cung cấp cho người học môi trường đào tạo tốt nhất để họ hình thành và phát triển toàn diện về thế giới quan, nhân sinh quan, phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm, năng lực nhận thức, đánh giá và ứng dụng tri thức chuyên môn cũng như các kỹ năng nghề nghiệp cơ bản để đạt được thành công trong lĩnh vực Sợi, Dệt và các lĩnh vực khác liên quan, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Sinh viên ngành Công nghệ sợi, dệt được học kiến thức và rèn luyện tay nghề để trở thành Kỹ sư Công nghệ sợi, dệt có khả năng về: Có khả năng vận hành và thực hiện các thao tác cơ bản các máy trong dây chuyền sản xuất sợi, dệt, nhuộm đảm bảo an toàn lao động; Có khả năng sửa chữa các sự cố thông thường của các máy trong dây chuyền sản xuất sợi, dệt, nhuộm; Có khả năng lựa chọn thuốc nhuộm để nhuộm các loại xơ, sợi, vải có nguồn gốc nguyên liệu khác nhau. Từ đó thiết lập được đơn công nghệ nhuộm cho từng loại thuốc nhuộm; Có khả năng phân tích, lựa chọn nguyên liệu phù hợp với yêu cầu của mặt sản xuất; Có khả năng phân tích và thiết kế được các mẫu vải dệt thoi, dệt kim và không dệt; Có khả năng thiết kế quy trình công nghệ kéo sợi, dệt vải và nhuộm; Có khả năng lập kế hoạch sản xuất cho các mặt hàng sợi, dệt, nhuộm; Có khả năng tổ chức sản xuất trong các công ty sợi, dệt, nhuộm; Có khả năng kiểm tra, đánh giá chất lượng bán sản phẩm và sản phẩm sợi, dệt, nhuộm; Có khả năng tiếp thu và chuyển giao công nghệ mới thuộc lĩnh vực sợi, dệt, nhuộm; Có trình độ tin học văn phòng tương đương với trình độ: Sử dụng cơ bản ứng dụng công nghệ thông tin như phần mềm tin học văn phòng Microsoft Office (Word, Excel, PowerPoint, Visio...); Có khả năng sử dụng được phần mềm tin học để thiết kế mẫu vải trên máy vi tính khi được chuyển giao. Tính toán các thông số về cấu trúc vải và các thông số công nghệ cần thiết cho triển khai sản xuất để đạt được mẫu vải dệt thoi và dệt kim theo thiết kế; Có khả năng sử dụng phần mềm tin học thiết kế mẫu in, đo màu quang phổ khi được chuyển giao, cài đặt quy trình công nghệ cho thiết bị nhuộm.

Chương trình đào tạo kỹ sư Công nghệ sợi, dệt được thiết kế linh hoạt theo định hướng ứng dụng và phù hợp với các nhu cầu khác nhau của người học, nhu cầu của xã hội.

Với đội ngũ cán bộ giảng viên thuộc Khoa Dệt may và Thời trang có trình độ cao, nhiệt tình và giàu kinh nghiệm cùng với Cơ sở vật chất (phòng học, phòng máy tính, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, các thiết bị đa phương tiện...) của Khoa Dệt may và Thời trang được trang bị đầy đủ đáp ứng các yêu cầu của người học và chương trình, cũng như tạo môi trường học tập tốt nhất để người học tiếp thu, lĩnh hội, thực hành và phát triển năng lực và kỹ năng nghề nghiệp.

1.2. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1	Tên chương trình đào tạo:	Kỹ sư Công nghệ sợi, dệt
2	Trình độ đào tạo:	Đại học
3	Ngành đào tạo:	Công nghệ Sợi, dệt
4	Mã số:	7540202
5	Thời gian đào tạo	4,5 năm
6	Loại hình đào tạo:	Chính quy
7	Tên văn bằng tốt nghiệp	Kỹ sư
8	Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
9	Ngày tháng ban hành/cập nhật:	26/8/2022

2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của chương trình được xây dựng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; Nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học định hướng ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

2.1.1. Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ, thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước.

2.1.2. Tầm nhìn phát triển

Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước

2.1.3 Giá trị cốt lõi

Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu

xã hội. Lấy mục tiêu phát triển bền vững là nền tảng; Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hướng tới; Đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội là phương châm hành động.

2.1.4. Triết lý giáo dục

“Học tập để kiến tạo tương lai”

2.2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học phát triển một cách toàn diện:

Có phẩm chất chính trị, đạo đức, thái độ lao động tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khoẻ, khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sau khi tốt nghiệp, kỹ sư ngành Công nghệ sợi, dệt phải nắm vững kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Công nghệ sợi, dệt, nhuộm.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.2.1 Về kiến thức

MT1: Lý luận chính trị:

- Có hiểu biết đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; Có kiến thức về lĩnh vực an ninh, quốc phòng.
- Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan làm việc sau khi tốt nghiệp;
- Có thể giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực.

MT2: Chuyên môn:

- Nhận biết và phân tích được các loại vật liệu dệt, các loại vải dệt thoi dệt kim và không dệt;
- Nhận biết được các loại hoá chất thuốc nhuộm sử dụng trong ngành nhuộm;
- Vận dụng được qui trình công nghệ sản xuất sợi, dệt, nhuộm;
- Nắm vững các thiết bị chủ yếu trong dây chuyền sản xuất sợi, dệt, nhuộm;
- Vận dụng được phương pháp tổ chức sản xuất trong ngành sợi, dệt, nhuộm;
- Phân tích, tổng hợp được những vấn đề thuộc về chất lượng sản phẩm sợi, dệt, nhuộm;

- Vận dụng được qui trình công nghệ sản xuất, các thiết bị chủ yếu trong dây chuyền sản xuất, các phương pháp tổ chức sản xuất trong ngành sợi, dệt, nhuộm;
- Có khả năng tham gia nghiên cứu trong các viện nghiên cứu thuộc chuyên ngành sợi, dệt, nhuộm đồng thời có khả năng tiếp tục học tập lên các trình độ cao hơn.

2.2.2.2 Về kỹ năng

MT3: Kỹ năng cứng:

- Có khả năng vận hành và thực hiện các thao tác cơ bản các máy trong dây chuyền sản xuất sợi, dệt, nhuộm đảm bảo an toàn lao động;
- Có khả năng sửa chữa các sự cố thông thường của các máy trong dây chuyền sản xuất sợi, dệt, nhuộm;
- Có khả năng lựa chọn thuốc nhuộm để nhuộm các loại xơ, sợi, vải có nguồn gốc nguyên liệu khác nhau. Từ đó thiết lập được đơn công nghệ nhuộm cho từng loại thuốc nhuộm;
- Có khả năng phân tích, lựa chọn nguyên liệu phù hợp với yêu cầu của mặt sản xuất;
- Có khả năng phân tích và thiết kế được các mẫu vải dệt thoi, dệt kim và không dệt;
- Có khả năng thiết kế quy trình công nghệ kéo sợi, dệt vải và nhuộm;
- Có khả năng lập kế hoạch sản xuất cho các mặt hàng sợi, dệt, nhuộm;
- Có khả năng tổ chức sản xuất trong các công ty sợi, dệt, nhuộm;
- Có khả năng kiểm tra, đánh giá chất lượng bán sản phẩm và sản phẩm sợi, dệt, nhuộm;
- Có khả năng tiếp thu và chuyển giao công nghệ mới thuộc lĩnh vực sợi, dệt, nhuộm.

MT4: Kỹ năng mềm:

* Kỹ năng làm việc

- Có phương pháp làm việc khoa học, chuyên nghiệp, có tư duy hệ thống và tư duy phê bình.
- Có khả năng trình bày, khả năng giao tiếp, thảo luận, khả năng làm việc hiệu quả theo nhóm, biết sử dụng các công cụ, phương tiện hiện đại, hội nhập được trong môi trường làm việc mới.

* Khả năng ngoại ngữ

- Đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, hoặc các chứng chỉ khác có điểm số tương đương
- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ tiếng Anh trong ngành đào tạo.

* Khả năng tin học

- Có trình độ tin học văn phòng tương đương với trình độ: Sử dụng cơ bản ứng dụng công nghệ thông tin như phần mềm tin học văn phòng Microsoft Office (Word, Excel, PowerPoint, Visio...).

- Có khả năng sử dụng được phần mềm tin học để thiết kế mẫu vải trên máy vi tính khi được chuyển giao. Tính toán các thông số về cấu trúc vải và các thông số công nghệ cần thiết cho triển khai sản xuất để đạt được mẫu vải dệt thoi và dệt kim theo thiết kế.

- Có khả năng sử dụng phần mềm tin học thiết kế mẫu in, đo màu quang phổ khi được chuyển giao, cài đặt quy trình công nghệ cho thiết bị nhuộm.

2.2.2.3. Về thái độ

MT5: - Có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần yêu nước, yêu đồng bào và tinh thần phục vụ cộng đồng tốt.

- Có đạo đức nghề nghiệp, động cơ học tập đúng đắn để làm chủ kiến thức nhằm mục đích phục vụ đất nước và cộng đồng.

MT6: - Có tinh thần trách nhiệm, tính trung thực, tính chủ động, tích cực, tinh thần làm việc nhóm hiệu quả cao, có tính chuyên nghiệp, thái độ phục vụ tốt.

- Có nhận thức rõ ràng về học tập nâng cao kiến thức một cách liên tục, luôn cầu tiến, sáng tạo trong công việc.

2.2.2.4. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1. KIẾN THỨC

- CDR1: Hiểu biết về thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực. Phân tích các yếu tố cấu thành năng lực, định vị bản thân. Lựa chọn và xây dựng được hệ giá trị tốt đẹp cho bản thân.

- CDR2: Hiểu biết và vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn. Kỹ năng phỏng vấn xin việc, kỹ năng nhận thức năng lực bản thân.

- CDR3: Giải thích và vận dụng được kiến thức giáo dục An ninh - Quốc phòng và năng lực thể chất.

- CDR4: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)

- CDR5: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT). Việc quy đổi, công nhận một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được thực hiện theo quy định hiện hành.

- CDR6: Giải thích được các kiến thức cơ bản về an toàn ngành dệt, kỹ thuật nhiệt, kỹ thuật điện, thông gió, các bản vẽ chi tiết, các sơ đồ nguyên lý hoạt động cơ bản, dung sai kỹ thuật đo và tự động hóa trong các thiết bị sợi, dệt, nhuộm. Vận dụng được nguyên tắc trả lời câu hỏi phỏng vấn.

- CDR7: Vận dụng kiến thức cơ bản về vật liệu dệt, hóa cơ bản, hoá phân tích, thuốc nhuộm, chất trợ hoá học, an toàn ngành dệt, nguyên lý kéo sợi, cấu tạo vải, phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm, quy trình công nghệ gia công sản xuất sản phẩm dệt, sợi, nhuộm.

- CDR8: Xây dựng, khai thác tài liệu kỹ thuật đơn hàng; Thiết kế kiểu dệt và mẫu in trên phần mềm chuyên ngành; Tổ chức quản lý sản xuất, thiết kế, kỹ năng nghề nghiệp và điều hành dây chuyền Sợi, Dệt, Nhuộm.

3.2. KỸ NĂNG

3.2.1. Kỹ năng cứng

- CDR9: Thực hiện sử dụng các thiết bị, quy trình công nghệ trong các dây chuyền sản xuất sợi, dệt, nhuộm.

- CDR10: Thực hiện thiết kế dây chuyền sản xuất, dây chuyền sợi, dệt, nhuộm.

- CDR11: - Sử dụng các trang thiết bị thí nghiệm để xác định các tính chất cơ, lý, hóa, vật liệu dệt, các tiêu chuẩn của vải sau quá trình nấu, tẩy, nhuộm, hoàn tất.

3.2.2. Kỹ năng mềm

- CDR12: - Thực hiện lập luận phân tích, phát hiện và giải quyết vấn đề trong quá trình sản xuất ngành sợi, dệt nhuộm. Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, tư duy, và kỹ năng làm việc nhóm. Kỹ năng tự nhận thức năng lực bản thân và thích ứng với môi trường mới.

- CDR13: Ứng dụng tin học văn phòng, tin học chuyên ngành và tiếng anh giao tiếp vào các công việc trong lĩnh vực sợi, dệt, nhuộm.

3.3. NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

- CDR14: Có phẩm chất đạo đức tốt, tuân thủ nội quy, quy định pháp luật, trung thực nhiệt tình trong công việc, có tư cách, tác phong, thái độ đáp ứng chuẩn mực của ngành, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp.

- CDR15: Có khả năng nghiên cứu khoa học, tự học hỏi, có năng lực phán xét, phân biệt sự việc trong cuộc sống và đưa ra được chính kiến của mình với lý lẽ khoa học, phù hợp pháp luật.

- CDR16: Trách nhiệm nghề nghiệp: Có trách nhiệm cao với các công việc được giao; Luôn có tinh thần cầu thị, xây dựng và thực hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp; Tinh thần, thái độ phục vụ tận tụy; Tôn trọng khách hàng; tuân thủ các quy định về chuyên môn nghiệp vụ.

- CDR17: Trách nhiệm xã hội: Có trách nhiệm xã hội tốt đối với tập thể đơn vị và đối với cộng đồng; Tuân thủ luật pháp và quy định của cơ quan làm việc; Có ý thức xây dựng tập thể đơn vị.

3.4. VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Kỹ thuật viên trong các doanh nghiệp sản xuất sợi, dệt, nhuộm.
- Kỹ thuật viên phòng thí nghiệm, kiểm tra, đánh giá chất lượng nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất sợi, dệt, nhuộm.
- Kỹ thuật viên phòng thí nghiệm dệt may tại các công ty May.
- Tư vấn kỹ thuật trong lĩnh vực kinh doanh thuốc nhuộm và chất trợ ngành dệt.
- Nhân viên nghiên cứu phát triển sản phẩm của các doanh nghiệp nhuộm.
- Giáo viên các trường Cao đẳng, Trung cấp nghề Sợi, dệt, nhuộm, trợ giảng tại các trường Đại học có chuyên ngành sợi, dệt, nhuộm. Làm việc tại Viện nghiên cứu dệt May, trung tâm đào tạo chuyên giao công nghệ ngành sợi, dệt, nhuộm.

3.5. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

Có thể học tập nâng cao trình độ lên bậc học thạc sĩ, tiến sĩ ngành công nghệ vật liệu dệt, kỹ thuật dệt và công nghệ dệt may.

3.6. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU, CHUẨN ĐÃ THAM KHẢO

- Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;
- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.
- Tài liệu chuẩn đầu ra của trường Đại học Bách Khoa – Hà Nội: chuyên ngành kỹ thuật

dệt;

- Tài liệu chuẩn đầu ra trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh: chuyên ngành công nghệ dệt;

- Chương trình đào tạo trường Đại học Bách Khoa - Hà Nội: Chuyên ngành kỹ thuật dệt.

4. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	CDR 13	CDR 14	CDR 15	CDR 16	CDR 17
MT1	x	x	x														
MT2						x	x	x									
MT3									x	x	x	x	x				
MT4		x		x	x												
MT5														x	x		
MT6																x	x

5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

5.1 Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông báo và hướng dẫn của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (<https://uneti.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh>)

- + Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương.
- + Phương thức tuyển sinh: theo quy định của Bộ giáo dục & Đào tạo.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định trong Quy chế;

c) Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ, tin học theo quy định của Nhà trường với từng đối tượng và thời điểm;

đ) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao;

e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Sợi, dệt được triển khai giảng dạy theo phương pháp giảng dạy tích cực thúc đẩy sinh viên phát triển ý tưởng sáng tạo. Để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, Khoa Dệt May & Thời trang đã xây dựng các chiến lược giảng dạy – học tập. Việc lựa chọn phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học vừa phải đảm bảo phù hợp đặc thù của khoa, vừa trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng mềm.

6.1. Các phương pháp dạy và học áp dụng trong chương trình đào tạo

STT	Nhóm phương pháp dạy và học	Mô tả chi tiết
I	Giảng dạy trực tiếp	
1	Thuyết giảng/ Thuyết trình	Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt. Đồng thời sinh viên cũng trình bày quan điểm của bản thân hoặc đại diện cho nhóm để đưa ra các nội dung cần thảo luận trước tập thể.
2	Hội thảo	Hội thảo hoặc hướng dẫn là một phương pháp hướng dẫn tập hợp một nhóm nhỏ sinh viên để thảo luận theo sự phân công của giảng viên về các chủ đề đã được giao hoặc kiểm tra các lĩnh vực chuyên sâu hơn dưới sự chỉ đạo của giáo viên hoặc trưởng nhóm thảo luận. Các hội thảo cung cấp cơ hội cho sinh viên đảm nhận vai trò lãnh đạo trong việc dẫn dắt cuộc thảo luận trong một nhóm nhỏ và được thể hiện bằng biên bản họp nhóm
3	Thảo luận	Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm

STT	Nhóm phương pháp dạy và học	Mô tả chi tiết
		cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Phương pháp này thúc đẩy sinh viên làm rõ các khái niệm, ý tưởng và các thông tin xoay quanh chủ đề đặc biệt là các vấn đề thực tế; thông qua trao đổi bằng lời nói với bạn học và giảng viên để kết nối các ý tưởng, kinh nghiệm để phản ánh nhiều ý nghĩa của khái niệm hay vấn đề
II	Phương pháp dạy và học tập kích não	
1	Bản đồ tư duy – Mindmap	Là phương pháp dạy học được đưa ra như là một phương tiện mạnh để tận dụng khả năng ghi nhận hình ảnh của bộ não. Đây là cách để ghi nhớ chi tiết, để tổng hợp, hay để phân tích một vấn đề ra thành một dạng của lược đồ phân nhánh. Phương pháp này khai thác khả năng ghi nhớ và liên hệ các dữ kiện lại với nhau bằng cách sử dụng màu sắc, một cấu trúc cơ bản được phát triển rộng ra từ trung tâm, chúng dùng các đường kẻ, các biểu tượng, từ ngữ và hình ảnh theo một bộ các quy tắc đơn giản, cơ bản, tự nhiên và dễ hiểu. Với một Bản đồ tư duy, một danh sách dài những thông tin đơn điệu có thể biến thành một bản đồ đầy màu sắc, sinh động, dễ nhớ, được tổ chức chặt chẽ
2	Nghiên cứu/Xử lý tình huống	Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện và giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên thiết kế các nhiệm vụ dựa trên các tình huống, cần sinh viên giải quyết, qua đó giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu. Các tình huống được sử dụng nhiều là các tình huống thực tế, điển hình từ những tập đoàn, doanh nghiệp trên toàn thế giới, tạo điều kiện cho người học tiếp cận với thực tiễn.
3	Đặt vấn đề/giải quyết vấn đề	Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề là phương pháp dạy học trong đó giảng viên tạo ra những tình huống có vấn đề, điều khiển sinh viên phát hiện vấn đề hay thách thức trong thực tế để sinh viên hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo để giải quyết vấn đề bằng quan điểm cá nhân và kiến thức đã lĩnh hội. Thông qua đó chiếm lĩnh tri

STT	Nhóm phương pháp dạy và học	Mô tả chi tiết
		thức, rèn luyện kỹ năng và đạt được những mục đích học tập khác
4	Tranh luận	Là phương pháp dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm khác nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông..
III	Phương pháp dạy học trải nghiệm	
1	Thực hành	Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các vấn đề nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc giảng bài hoặc có thể tiến hành thao tác theo cá nhân. Sinh viên đã được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản qua các bài thực hành từ đơn giản cho đến phức tạp
2	Báo cáo	Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các buổi báo cáo theo chủ đề, trong đó người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những chuyên gia đến từ các doanh nghiệp, tổ chức bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giả, giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chương trình đào tạo.
3	Thực tế	Đây là phương pháp được thực hiện thông qua việc giới thiệu, tìm hiểu thực tế các hoạt động tại doanh nghiệp và sinh viên qua việc lĩnh hội các kiến thức đã được học sẽ trình bày về thực tế mình tìm hiểu được liên quan đến chủ đề của nội dung học tập.
4	Làm việc nhóm	Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các chủ đề được giảng viên giao nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc trình bày bằng slide. Sinh viên đã được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản trong công việc nhóm kể từ năm đầu tiên. Sau đó, họ sẽ được thực hành phương pháp này trong rất nhiều khóa học ở các cấp

STT	Nhóm phương pháp dạy và học	Mô tả chi tiết
		độ khác nhau.
IV	Phương pháp học tập bằng công nghệ	
1	Quản lý sinh viên học tập bằng công nghệ	Giáo viên và sinh viên sử dụng các công cụ trực tuyến để hỗ trợ quá trình dạy và học (LMS, E learning, google meet, Facebook, Zalo ...)
V	Phương pháp học tập độc lập	
1	Đọc và nghiên cứu tài liệu	Phương pháp này phát triển khả năng tự học của sinh viên để chuẩn bị bài trước buổi học và ôn tập bài sau buổi học
2	Thực hiện bài kiểm tra cá nhân	Phương pháp này rèn luyện khả năng tư duy độc lập để giải quyết vấn đề/tình huống/bài thực hành được đưa ra trên cơ sở vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được học tập, thảo luận với thái độ cầu thị
3	Khóa luận tốt nghiệp	Phương pháp này phát triển khả năng của sinh viên trong việc lên kế hoạch, tìm hiểu, tổ chức và đánh giá đối với một chủ đề một cách độc lập và chi tiết, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Nó còn tăng cường động lực học tập và tích cực tham gia học tập bởi vì sinh viên được cho phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày

6.2. Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của CTĐT và phương pháp dạy – học

Hoạt động giảng dạy và học tập	Chuẩn đầu ra																
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR11	CDR12	CDR13	CDR14	CDR15	CDR16	CDR17
I. Giảng dạy trực tiếp																	
1. Thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X	X
2. Thảo luận	X	X				X	X	X						X	X	X	X
3. Hội thảo			X				X							X	X	X	X
II. Phương pháp dạy và học tập kích nã																	
1. Bản đồ tư duy – Mindmap			X			X	X	X	X	X	X			X	X	X	X
2. Nghiên cứu/Xử lý tình huống							X	X	X	X	X			X	X	X	X

Hoạt động giảng dạy và học tập	Chuẩn đầu ra																
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR11	CDR12	CDR13	CDR14	CDR15	CDR16	CDR17
3. Đặt vấn đề/giải quyết vấn đề						X	X	X	X	X	X			X	X	X	X
4. Tranh luận	X	X												X	X	X	X
III. Phương pháp dạy học trải nghiệm																	
1. Thực hành							X	X	X	X	X						
2. Báo cáo							X	X	X	X	X	X	X				
3. Thực tế									X	X	X						
4. Làm việc nhóm				X	X				X	X	X	X	X	X	X		
IV. Phương pháp học tập bằng công nghệ																	
1. Quản lý sinh viên học tập bằng công nghệ (công cụ trực tuyến để hỗ trợ quá trình dạy và học (LMS, E learning, google meet, Zoom)	X	X	X	X	X	X	X	X				X	X	X	X		
V. Phương pháp học tập độc lập																	
1. Đọc và nghiên cứu tài liệu	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				
2. Thực hiện bài kiểm tra cá nhân	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3. Khóa luận tốt nghiệp									X	X	X	X	X	X	X	X	X

7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

7.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác độ mức độ đạt được CDR của học phần từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CDR của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTTCN, ngày 10 tháng 09 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ

Một số hình thức đánh giá quá trình học tập như sau:

- Đánh giá ý thức và thái độ học tập: Đánh giá học tập thông qua các hình thức chữa bài tập, trả lời câu hỏi xây dựng bài, thuyết trình... kết quả có sử dụng cho điểm thành phần hệ số 1.

- Đánh giá theo hình thức tự luận: Đánh giá học tập thông qua hình thức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất theo quy định, kết quả đánh giá sử dụng cho điểm thành phần hệ số 1 hoặc hệ số 2

- Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm: Đánh giá học tập thông qua hình thức trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm qua máy tính (online, hoặc trực tiếp). Kết quả đánh giá sử dụng cho điểm thành phần hoặc áp dụng cho thi kết thúc học phần.

- Đánh giá theo hình thức vấn đáp: Đánh giá học tập thông qua hình thức vấn đáp (online, hoặc trực tiếp). Kết quả đánh giá sử dụng cho điểm thành phần hoặc áp dụng cho thi kết thúc học phần.

- Đánh giá theo hình thức thực hành: Đánh giá học tập thông qua hình thức thi, kiểm tra kỹ thực hành. Kết quả đánh giá sử dụng cho điểm thành phần hoặc áp dụng cho thi kết thúc học phần.

- Đánh giá theo hình thức bài tập lớn, tiểu luận, đồ án: Đánh giá học tập thông qua hình thức chấm bài tập lớn hoặc tiểu luận của sinh viên được giao về nhà. Kết quả đánh giá sử dụng cho điểm thành phần hoặc áp dụng cho thi kết thúc học phần.

- Đánh giá theo hình thức bài tập lớn kết hợp vấn đáp online: Đánh giá học tập thông qua hình thức chấm bài tập lớn hoặc tiểu luận của sinh viên được giao về nhà đồng thời tổ chức vấn đáp online để đánh giá thêm về kết quả này. Kết quả đánh giá sử dụng cho điểm thành phần hoặc áp dụng cho thi kết thúc học phần.

- Đánh giá theo hình thức bảo vệ đồ án: Đánh giá học tập thông qua hình thức tổ chức hội đồng đánh giá đồ án (trực tiếp hoặc online), Sinh viên thuyết trình nội dung và trả lời các câu hỏi của hội đồng đánh giá, điểm đánh giá được hội đồng thống nhất và công bố. Kết quả đánh giá sử dụng cho điểm thành phần hoặc áp dụng cho thi kết thúc học phần.

7.2 Điểm đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 60%) và điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy) (chiếm tỷ trọng 40%).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:

+ Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận

+ Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

+ Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.

+ Số lần kiểm tra thường xuyên: tối thiểu là 1. Ngoài ra, Khoa, tổ chuyên môn có thể quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần cụ thể.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 10 điểm.

* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.

* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.

* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.

* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.

* Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm

Ghi chú:

+ Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

2) Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) là điểm trung bình của các loại điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy.

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ: là điểm đánh giá các bài thực hành định kỳ trong quá trình giảng dạy, được tính hệ số 1.

Số điểm kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần:

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 10 điểm.

* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.

* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.

* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.

* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.

* Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm

+ Điểm chuyên cần có hệ số 1.

Ghi chú:

Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong Đề cương chi tiết của học phần.

8. Cấu trúc chương trình đào tạo

8.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 155 tín chỉ (*Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC)*)

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 46 tín chỉ (chiếm 29,7%)
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 109 tín chỉ (chiếm 70,3%)
 - *Phần lý thuyết* 73 tín chỉ (chiếm 67%)
 - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* 27 tín chỉ (chiếm 24,8%)
 - *Khoá luận tốt nghiệp* 9 tín chỉ (chiếm 8,2%)

8.2. Nội dung chương trình đào tạo

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (46 tín chỉ) (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)			46		
1.1. Lý luận chính trị			11		
001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT&PL	3	3(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	2(21, 18, 60)	x
001537	3. CNXH Khoa học	LLCT&PL	2	2(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	2(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	2(21, 18, 60)	x
1.2. Khoa học xã hội			2		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	2(26, 8, 60)	x
1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học			14		
001103	1. Toán giải tích	KHUD	3	3(36, 18,90)	x
001053	2. Đại số tuyến tính	KHUD	2	2(26, 8, 60)	x
001102	3. Xác suất thống kê	KHUD	3	3(36, 18,90)	x
000591	4. Vật lý	KHUD	4	4(52,16,120)	x
001555	5. Hóa học 1	KHUD	2	2(26, 8, 60)	x
1.4. Ngoại ngữ			16		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	4(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	4(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	4(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	4(48,24,120)	x
1.5. Kiến thức bổ trợ (Chọn 03 tín chỉ)			3		
002151	1. Kỹ năng nhận thức năng lực bản thân	KHUD	1	1(15, 0, 30)	x
002164	2. Kỹ năng nghề nghiệp - CN Sợi, dệt	DMTT	1	1(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng Phỏng vấn xin việc	KHUD	1	1(15, 0, 30)	x
002068	4. Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	KHUD	2	2(26, 8, 60)	
1.6. Giáo dục thể chất		GDTC	4		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	1(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	1(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	1(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	1(0,30,30)	x
1.7. Giáo dục quốc phòng		GDQP	8		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	3(37, 16, 0)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	2(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	1(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	2(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (95 tín chỉ)			95		
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			15		
000252	1.Kỹ thuật điện	Điện	2	2(26,8,60)	x
001409	2.Cơ kỹ thuật - Vẽ kỹ thuật	Cơ khí	3	3(36, 18, 90)	x
000349	3. Tự động hóa	Điện	2	2(26,8,60)	x
000117	4. Kỹ thuật nhiệt	CNTP	2	2(26,8,60)	x
000129	5. Thông gió	CNTP	2	2(26,8,60)	x
000385	6. Dung sai - Kỹ thuật đo	Cơ khí	2	2(26,8,60)	x
000583	7. Hóa phân tích	KHUD	2	2(26,8,60)	x
2.2. Kiến thức chung của ngành			80		
<i>2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>			77		
001925	1.Vật liệu dệt	BM DỆT	3	3(36,18,90)	x
000003	2. An Toàn ngành Dệt	BM DỆT	2	2(26,8,60)	x
000083	3. Thuốc nhuộm và chất trợ hoá học	BM DỆT	2	2(26,8,60)	x
001926	4. Nguyên lý kéo sợi	BM DỆT	3	3(36,18,90)	x
001534	5. Cấu tạo vải	BM DỆT	3	3(36,18,90)	x
001927	6. Công nghệ thiết bị kéo sợi	BM DỆT	3	3(36,18,90)	x
000034	7. Công nghệ vải không dệt	BM DỆT	2	2(26,8,60)	x
001270	8. Công nghệ và thiết bị chuẩn bị dệt	BM DỆT	2	2(26,8,60)	x
001928	9. Công nghệ và thiết bị dệt vải dệt thoi	BM DỆT	3	3(36, 18, 90)	x
001120	10. Công nghệ và thiết bị vải dệt kim	BM DỆT	3	3(36, 18, 90)	x
001929	11. Công nghệ và thiết bị hoá học làm sạch vật liệu dệt	BM DỆT	3	3(36, 18, 90)	x
000032	12. Công nghệ và thiết bị nhuộm	BM DỆT	3	3(36, 18, 90)	x
001124	13. Thiết kế dây chuyền kéo sợi	BM DỆT	3	3(36, 18, 90)	x
000990	14. Thiết kế dây chuyền dệt vải	BM DỆT	3	3(36, 18, 90)	x
001006	15. Thiết kế dây chuyền nhuộm	BM DỆT	3	3(36, 18, 90)	x
001930	16. Kiểm tra chất lượng sản phẩm ngành dệt	BM DỆT	3	3(36, 18, 90)	x
001931	17. Thực tập Công nghệ sợi	BM DỆT	3	3(0,120,0)	x
001932	18. Thực tập Công nghệ dệt	BM DỆT	3	3(0,120,0)	x
001933	19. Thực tập Công nghệ nhuộm	BM DỆT	3	3(0,120,0)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
000085	20. Tin ứng dụng ngành dệt	BM DỆT	2	2(22,16,60)	
002143	21. Công nghệ sản xuất chỉ khâu	BM DỆT	3	3(36,18,90)	x
002146	22. Thực tập thiết kế cấu tạo vải	BM DỆT	3	3(0,120,0)	x
002145	23. Thực tập Công nghệ sản xuất chỉ khâu	BM DỆT	3	3(0,120,0)	x
001305	24. TCSX và QL chất lượng sản phẩm ngành dệt	BM DỆT	3	3(36,18,90)	x
001141	25. Công nghệ và thiết bị in hoa, xử lý hoàn tất	BM DỆT	4	4(52,16,120)	x
001936	26. Đồ án sợi, dệt	BM DỆT	3	3(0,180,0)	x
001937	27. Đồ án nhuộm	BM DỆT	2	2(0,120,0)	x
001938	28. Thí nghiệm vật liệu dệt	BM DỆT	2	2(0,120,0)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 02 trong các học phần)		4		
001934	1. Kỹ thuật kéo sợi mới	BM DỆT	2	2(26,8,60)	x
002144	2. Cấu tạo vải phức tạp	BM DỆT	2	2(26,8,60)	x
001209	3. Công nghệ sản xuất sạch hơn	BM DỆT	2	2(26,8,60)	
001935	4. Động học nhuộm	BM DỆT	2	2(26,8,60)	
000070	Thực Tập Cuối Khóa	BM DỆT	5	5(0,300,0)	x
002107	Khóa luận tốt nghiệp		9		x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001939	1. Thực tập nâng cao sợi	BM DỆT	3	3(0,180,0)	x
001940	2. Thực tập nâng cao dệt	BM DỆT	3	3(0,180,0)	x
001941	3. Thực tập nâng cao nhuộm	BM DỆT	3	3(0,180,0)	x
			167		

8.3. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
I		Học kỳ 1	Bắt buộc (x)	16
1	001053	Đại số tuyến tính	x	2
2	001103	Toán giải tích	x	3
3	000591	Vật lý	x	4

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
4	001555	Hóa học 1	x	2
5	000252	Kỹ thuật điện	x	2
6	001409	Cơ kỹ thuật - Vẽ kỹ thuật	x	3
II		Học kỳ 2		21
1	001535	Triết học Mác-Lênin	x	3
2	001942	Tiếng Anh 1	x	4
3	001102	Xác suất thống kê	x	3
4	001925	Vật liệu dệt	x	3
5	000349	Tự động hóa	x	2
6	000117	Kỹ thuật nhiệt	x	2
7	000583	Hóa phân tích	x	2
8	000385	Dung sai - Kỹ thuật đo	x	2
III		Học kỳ 3		22
1	001536	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x	2
2	001943	Tiếng Anh 2	x	4
3	002200	Giáo dục quốc phòng - HP1	x	3
4	002201	Giáo dục quốc phòng - HP2	x	2
5	002202	Giáo dục quốc phòng - HP3	x	1
6	002203	Giáo dục quốc phòng - HP4	x	2
7	001270	Công nghệ và thiết bị chuẩn bị dệt	x	2
8	000129	Thông gió	x	2
9	002151	Kỹ năng nhận thức năng lực bản thân	x (bổ trợ)	1
10	001926	Nguyên lý kéo sợi	x	3
IV		Học kỳ 4		20
1	001944	Tiếng Anh 3	x	4
2	000719	Giáo dục thể chất 2	x	1

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
3	001537	CNXH Khoa học	x	2
4	001534	Cấu tạo vải	x	3
5	000083	Thuốc nhuộm & chất trợ hoá học	x	2
6	001927	Công nghệ thiết bị kéo sợi	x	3
7	000003	An Toàn ngành Dệt	x	2
8	001928	Công nghệ và thiết bị dệt vải dệt thoi	x	3
V		Học kỳ 5		21
1	000573	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	2
2	001944	Tiếng Anh 4	x	4
3	000719	Giáo dục thể chất 2	x	1
4	001120	Công nghệ và thiết bị vải dệt kim	x	3
5	001929	Công nghệ và thiết bị hoá học làm sạch VLD	x	3
6	001124	Thiết kế dây chuyền kéo sợi	x	3
7	002164	Kỹ năng nghề nghiệp - CN Sợi, dệt	x (bổ trợ)	1
8	001934	Kỹ thuật kéo sợi mới	x (tự chọn)	2
9	002144	Cấu tạo vải phức tạp	x (tự chọn)	2
VI		Học kỳ 6		19
1	000739	Giáo dục thể chất 3	x	1
2	001930	Kiểm tra chất lượng sản phẩm ngành dệt	x	3
3	000032	Công nghệ và thiết bị nhuộm	x	3
4	000990	Thiết kế dây chuyền dệt vải	x	3
5	002143	Công nghệ sản xuất chỉ khâu	x	3
6	001931	Thực tập Công nghệ sợi	x	3
7	001932	Thực tập Công nghệ dệt	x	3
		Học kỳ 7		9
1	001006	Thiết kế dây chuyền nhuộm	x	3

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
2	001936	Đồ án sợi, dệt	x	3
3	002146	Thực tập thiết kế cấu tạo vải	x	3
VII		Học kỳ 8		18
1	000740	Giáo dục thể chất 4	x	1
2	002129	Kỹ năng Phòng vấn xin việc	x (bổ trợ)	1
3	000034	Công nghệ vải không dệt	x	2
4	001305	TCSX và QL chất lượng sản phẩm ngành dệt	x	3
5	001141	Công nghệ và thiết bị in hoa, xử lý hoàn tất	x	4
6	002145	Thực tập Công nghệ sản xuất chỉ khâu	x	3
7	001937	Đồ án nhuộm	x	2
8	001938	Thí nghiệm vật liệu dệt	x	2
VIII		Học kỳ 9		21
1	001538	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x	2
2	000585	Pháp luật đại cương	x	2
3	001933	Thực tập Công nghệ nhuộm	x	3
4	000070	Thực Tập Cuối Khóa	x	5
5	002107	Khóa luận tốt nghiệp		9
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
1	001939	Thực tập nâng cao sợi	x	3
2	001940	Thực tập nâng cao dệt	x	3
3	001941	Thực tập nâng cao nhuộm	x	3
Cộng:				167

Chú ý: Đánh dấu “x” vào mục ghi chú đối với các học phần áp dụng cho đào tạo.

9. Ma trận đóng góp của các học phần theo yêu cầu năng lực của chuẩn đầu ra

Stt	Nội dung sử dụng	Thang đo	Ghi chú						
1	Kiến thức	Thang đo Bloom, 2001 <table border="1"> <tr> <td>1. Nhớ</td> <td>2. Hiểu</td> <td>3. Vận dụng</td> </tr> <tr> <td>4. Phân tích</td> <td>5. Đánh giá</td> <td>6. Sáng tạo</td> </tr> </table>	1. Nhớ	2. Hiểu	3. Vận dụng	4. Phân tích	5. Đánh giá	6. Sáng tạo	1: thấp nhất 6: cao nhất
1. Nhớ	2. Hiểu	3. Vận dụng							
4. Phân tích	5. Đánh giá	6. Sáng tạo							
2	Kỹ năng	Thang đo Dave, 1975 <table border="1"> <tr> <td>1. Bắt chước</td> <td>2. Vận dụng</td> <td>3. Chính xác</td> </tr> <tr> <td>4. Thành thạo</td> <td>5. Bản năng</td> <td></td> </tr> </table>	1. Bắt chước	2. Vận dụng	3. Chính xác	4. Thành thạo	5. Bản năng		1: thấp nhất 5: cao nhất
1. Bắt chước	2. Vận dụng	3. Chính xác							
4. Thành thạo	5. Bản năng								
3	Phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp.	Thang đo Krathwohl D.R, 1973 <table border="1"> <tr> <td>1. Tiếp nhận</td> <td>2. Đáp ứng</td> <td>3. Đánh giá</td> </tr> <tr> <td>4. Tổ chức</td> <td>5. Đặc trưng hóa</td> <td></td> </tr> </table>	1. Tiếp nhận	2. Đáp ứng	3. Đánh giá	4. Tổ chức	5. Đặc trưng hóa		1: thấp nhất 5: cao nhất
1. Tiếp nhận	2. Đáp ứng	3. Đánh giá							
4. Tổ chức	5. Đặc trưng hóa								

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)								Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)					Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) (1-5)			
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR14	CĐR15	CĐR16	CĐR17
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2
1	Triết học Mác-Lênin	2	2									2			2			
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2									2			2	2	2	2
3	CNXH Khoa học	2	2									2			2	2	2	2
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2									2			2	2	2	2
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2									2			2	2	2	2

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)								Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)					Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) (1-5)			
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR14	CĐR15	CĐR16	CĐR17
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2
6	Pháp luật đại cương		2									2		2	2	2	2	
7	Toán giải tích		2						2		2	2		2	2			
8	Đại số tuyến tính		2						2			2		2	2	2		
9	Xác suất thống kê		2								2	2		2		2	2	
10	Vật lý		2				2				2	2		2		2	2	
11	Hóa học cơ bản		2					2			2	2			2	2		
12	Tiếng Anh 1					2							2	2	2	2		
13	Tiếng Anh 2					2							2	2		2	2	
14	Tiếng Anh 3					2							2	2	2	2	2	
15	Tiếng Anh 4					2							2	2	2	2		
16	Kỹ năng nhận thức năng lực bản thân (KHCB + Chuyên gia)	2	2									2		2	2	2		
17	Kỹ năng nghề nghiệp - CN Sỏi, dẹt							3	3	3		3	2	2	2	2	2	
18	Kỹ năng Phỏng vấn xin việc (KHCB + Chuyên gia)		2				2					2		2	2	2	2	
19	Giáo dục thể chất 1			2								2		2	2	2	2	

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)								Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)					Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) (1-5)			
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR14	CĐR15	CĐR16	CĐR17
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2
20	Giáo dục thể chất 2			2								2		2	2	2	2	
21	Giáo dục thể chất 3			2								2		2	2	2	2	
22	Giáo dục thể chất 4			2								2		2	2	2	2	
23	Giáo dục quốc phòng - HP1			2								2		2	2	2	2	
24	Giáo dục quốc phòng - HP2			2								2		2	2	2	2	
25	Giáo dục quốc phòng - HP3			2								2		2	2	2	2	
26	Giáo dục quốc phòng - HP4			2								2		2	2	2	2	
27	Kỹ thuật điện		2			2					2	2		2		2		
28	Cơ kỹ thuật - Vẽ kỹ thuật		3			3			2			2		2		2		
29	Tự động hóa					2			2			2		2		2	2	
30	Kỹ thuật nhiệt		3						2			2		2	2	2		
31	Thông gió		3			2			2			2		2	2	2		
32	Dung sai kỹ thuật đo					2					2	2		2	2	2	2	
33	Hóa phân tích		3			2					2	2			2		2	
34	Vật liệu dẹt					3	3	3			2	2	2	2	2	2	2	
35	An Toàn ngành Dệt					3	3		2	2	2			2	2	2	2	
36	Thuốc nhuộm & chất trợ hoá						3				2	2	2	2	2		2	

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)								Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)						Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) (1-5)		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR14	CĐR15	CĐR16	CĐR17
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2
	học																	
37	Nguyên lý kéo sợi						3	3		2			2		2	2	2	
38	Cấu tạo vải						3		3		3		2	2	3	2	2	2
39	Công nghệ thiết bị kéo sợi						3	3		2	2		2	2	2	2	2	
40	Công nghệ vải không dệt							3	3	2	2		2	2	2	2	2	2
41	Công nghệ và thiết bị chuẩn bị dệt						3	3		2	2		2	2	2	2	2	
42	Công nghệ và thiết bị dệt vải dệt thoi						3	3	3	2	2		2		2	2	2	2
43	Công nghệ và thiết bị vải dệt kim						3	3		2			2	2	3	2	2	2
44	Công nghệ và thiết bị hoá học làm sạch VLD								3	3	2	2	2	2	2	2	2	2
45	Công nghệ và thiết bị nhuộm									3	3	2	2	2	2	2	2	2
46	Thiết kế dây chuyền kéo sợi						3	3	3	2	2		2		2	2	2	
47	Thiết kế dây chuyền dệt vải						3	3	3	2	2		2	2	2	2	2	2
48	Thiết kế dây chuyền nhuộm									3	3		2		2	2	2	2
49	Kiểm tra chất lượng sản phẩm								3					2	2	2	2	2

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																		
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)								Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)						Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) (1-5)				
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR14	CĐR15	CĐR16	CĐR17		
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2		
	ngành dệt																			
50	Thực tập Công nghệ sợi							3	3	3	3	3		2	2	2	2	2	2	
51	Thực tập Công nghệ dệt							3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	
52	Thực tập Công nghệ nhuộm							3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	
53	Công nghệ sản xuất chỉ khâu							3	3					2	2	2	2	2	2	
54	Thực tập thiết kế cấu tạo vải							3			3	3	3		2	2	3	2	2	3
55	Thực tập Công nghệ sản xuất chỉ khâu							3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2
56	TCSX và QL chất lượng sản phẩm ngành dệt							3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
57	Công nghệ và thiết bị in hoa, xử lý hoàn tất							3	3					2	2	2	2	2	2	2
58	Đồ án sợi, dệt							3	3	3	3	3		2	2	3	2	2	2	3
59	Đồ án nhuộm							3	3	3	3	3		2	2	2	2	2	2	2
60	Thí nghiệm vật liệu dệt							3	3					2	2	2	2	2	2	2
61	Kỹ thuật kéo sợi mới							3	3					2		2	2	2	2	2
62	Cấu tạo vải phức tạp							3			3			2		2	2	2	2	2
63	Thực Tập Cuối Khóa							3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	2	2	2

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)								Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)						Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) (1-5)		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR14	CĐR15	CĐR16	CĐR17
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2
	Khóa luận tốt nghiệp (Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp)																	
64	Thực tập nâng cao sợi							3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	
65	Thực tập nâng cao dệt							3	3	3	3	2	2	3	3	2	2	
66	Thực tập nâng cao nhuộm							3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	

10. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo

Học kỳ 1	TC	Học kỳ 2	TC	Học kỳ 3	TC	Học kỳ 4	TC	Học kỳ 5	TC	Học kỳ 6	TC	Học kỳ 7	TC	Học kỳ 8	TC	Học kỳ 9	TC
Đại số tuyến tính	2	Triết học Mác Lê Nin	3	Kinh tế chính trị MLN	2	Anh văn 3	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Giáo dục thể chất 3	1	Thiết kế dây chuyền nhuộm	3	Giáo dục thể chất 4	1	Lịch sử Đảng CS VN	2
Hóa cơ bản	2	Anh văn 1	4	Anh văn 2	4	Giáo dục thể chất 1	1	Anh văn 4	4	Kiểm tra chất lượng SP ngành dệt	3	Đồ án Sợi, Dệt	3	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	Pháp luật đại cương	2
Vật lý	4	Xác suất thống kê	3	Giáo dục quốc phòng	8	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	2	Giáo dục thể chất 2	1	CN&TB nhuộm	3	Thực tập thiết kế cấu tạo vải	3	Công nghệ vải không dệt	2	Thực tập CN nhuộm	3
Toán giải tích	3	Vật liệu dệt	3	Thông gió	2	Cấu tạo vải	3	CN và TB dệt vải Dệt kim	3	Thiết kế dây chuyền dệt vải	3			TCSX& QL CL ngành dệt	3	TT cuối khóa	5

Học kỳ 1	TC	Học kỳ 2	TC	Học kỳ 3	TC	Học kỳ 4	TC	Học kỳ 5	TC	Học kỳ 6	TC	Học kỳ 7	TC	Học kỳ 8	TC	Học kỳ 9	TC
Cơ kỹ thuật - Vệ Kỹ thuật	3	Kỹ thuật nhiệt	2	Nguyên lý kéo sợi	3	Thuốc nhuộm và Chất trợ hóa học	2	CN&TB hóa học Làm sạch VLD	3	Công nghệ SX chỉ khâu	3			CN&TB in hoa XLHT VLD	4	Khóa Luận Tốt nghiệp	
Kỹ thuật điện	2	Tự động hóa	2	CN và TB chuẩn bị dệt	2	An toàn ngành dệt	2	Thiết kế DC kéo sợi	3	Thực tập Công nghệ sợi	3			Thực tập công nghệ SX chỉ khâu	3	Thực tập nâng cao Sợi	3
		Hóa phân tích	2	Kỹ năng nhận thức năng lực bản thân	1	CN và TB kéo sợi	3	Cấu tạo vải phức tạp	2	Thực tập Công nghệ dệt	3			Đồ án nhuộm	2	Thực tập nâng cao Dệt	3
		Dung sai kỹ thuật đo	2			CN và TB dệt vải dệt thoi	3	Kỹ thuật kéo sợi mới	2					Thí nghiệm VLD	2	Thực tập nâng cao Nhuộm	3
								Kỹ năng nghề nghiệp - CN Sợi,	1								

Học kỳ 1	TC	Học kỳ 2	TC	Học kỳ 3	TC	Học kỳ 4	TC	Học kỳ 5	TC	Học kỳ 6	TC	Học kỳ 7	TC	Học kỳ 8	TC	Học kỳ 9	TC
								dệt									
Tổng số TC	16		21		22		20		21		19		9		18		21

Chú thích: 167 TC

Học phần đại cương	46 TC	
Học phần cơ sở ngành	15 TC	
Học phần chuyên ngành (lý thuyết)	53	
Học phần thực tập	25	
Học phần bổ trợ	3	
Học phần tự chọn	4	
Khóa luận TN	9	155 TC

11. Mô tả tóm tắt học phần

11.1. Kiến thức giáo dục đại cương (46tc)

1. Triết học Mac-Lênin

Số TC: 3

- Phân bố thời gian học tập: (33, 24, 90)

- Học phần tiên quyết: Không có

- Học phần học trước: Không có

- Tóm tắt nội dung học phần: Triết học Mác - Lênin là học phần cơ sở bắt buộc trong chương

trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy đầu tiên trong

những môn thuộc hệ thống các môn khoa học Mác - Lênin, như môn học Kinh tế chính trị Mác

Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam. Học phần từng bước trang bị cho sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Số TC: 2

- Phân bố thời gian học tập: (21, 18, 60)

- Học phần tiên quyết: Không có

- Học phần học trước: Không có

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin thuộc Bộ môn Nguyên lý chủ nghĩa MácLênin, được xây dựng theo chương trình lý luận chính trị mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo năm 2019, nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức của kinh tế chính trị Mác – Lêninvề phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quáđộ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Học phần giúp sinh viên có khả năng hiểu, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam...

Ngoài ra, học phần cũng hướng tới việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo của nhà trường. Chủ động sáng tạo trong công việc, khắc phục tư tưởng bảo thủ trì trệ. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.

3. CNXH Khoa học

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người

5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí

giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930) và quá trình lãnh đạo cách mạng từ 1930 đến nay, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới. Được thể hiện ở các nội dung: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

6. Pháp luật đại cương

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* (21, 18, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo sinh viên đại học. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, kiến thức cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật của nhà nước Việt Nam: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân - gia đình và Luật Lao động.

7. Toán giải tích

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36, 18,90)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Toán giải tích là một học phần của Toán cao cấp, đề cập đến các vấn đề cơ bản về giải tích toán học như hàm nhiều biến, phương trình vi phân, chuỗi số và chuỗi hàm, tích phân bội, tích phân đường và tích phân mặt. Đây là môn học giúp sinh viên phát triển tư duy logic, phương pháp suy luận đồng thời trang bị lượng kiến thức cơ sở quan trọng giúp sinh viên các ngành kỹ thuật và công nghệ học tốt các môn toán chuyên đề ở các môn học chuyên ngành sau này.

8. Đại số tuyến tính

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26,8,60)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Đại số tuyến tính là một trong những học phần bắt buộc của kiến thức giáo dục đại cương theo khung chương trình đào tạo. Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về toán học làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành về sau. Nội dung học phần được chia thành 5 chương với 2 tín chỉ (Chương 1: Ma trận và định thức; Chương 2: Hệ phương trình tuyến tính; Chương 3: Không gian véc tơ; Chương 4: Ánh xạ tuyến tính; Chương 5: Giá trị riêng, véc tơ riêng và dạng toàn phương).

9. Xác suất thống kê

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36, 18,90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Xác suất thống kê là học phần cơ sở của chương trình đào tạo đại học các ngành Kỹ thuật và Kinh tế. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thiết, hồi quy và tương quan.

10. Vật lý

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập:* 4(52, 16,120)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Hướng dẫn cho sinh viên nắm vững và hiểu rõ ý nghĩa của các đại lượng vật lý, nắm vững các định lý và các định luật vật lý có thể giải thích các hiện tượng và có khả năng giải quyết các bài toán thực tế cụ thể.

11. Hóa học cơ bản

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo của các lớp đại học khối ngành kỹ thuật. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về cơ sở lý thuyết hóa học, các nguyên tố trong các phân nhóm chính và các nguyên tố chuyển tiếp.

12. Tiếng Anh 1

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập*: 4(48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) Học phần tiếng Anh 1 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp. Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực. Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn. Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

13. Tiếng Anh 2

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập*: 4(48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 275

- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) Học phần tiếng Anh 2 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp. Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực. Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn. Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

14. Tiếng Anh 3

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập*: 4(48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Tiếng Anh 1, Điểm TOEIC đầu vào ≥ 350

- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1-2.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) Học phần tiếng Anh 3 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp. Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực. Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn. Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

15. Tiếng Anh 4

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập:* 4(48,24,120)

- *Học phần tiên quyết:* Tiếng Anh 2, Điểm TOEIC đầu vào ≥ 425

- *Học phần học trước:* Tiếng Anh 1,2,3

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần tiếng Anh 4 là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nâng cao, giúp sinh viên phát triển khả năng tư duy theo các chủ đề, khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, tạo nền tảng cho việc phát triển nghề nghiệp tương lai. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

Học phần tiếng Anh 4 giúp người học phát triển các khối kiến thức nâng cao về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp. Mô hình bài học thực tế giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp như thuyết trình hội họp, đàm phán, điện thoại và giao tiếp xã hội. Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên tư duy và giải quyết vấn đề một cách chủ động. Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Ngữ pháp tổng hợp của từng bài.

16. Kiến thức bổ trợ (chọn 3TC trong các học phần)

Số TC: 3

16.1. Kỹ năng nhận thức năng lực bản thân

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (12, 6, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kỹ năng nhận thức bản thân là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần giúp cho sinh viên có sự hiểu biết chính xác về bản thân, bao gồm ưu điểm và khuyết điểm, tư duy, cảm xúc và những động lực thúc đẩy bản thân trong cuộc sống.

Kỹ năng này giải thích những thành công cũng như những thất bại của chúng ta, cho chúng ta biết chúng ta là ai và chúng ta cần gì từ đồng đội của mình để tạo nên một tập thể đoàn kết. Kỹ năng nhận thức bản thân sẽ giúp chúng ta nâng cao khả năng tự nhận thức của bản thân đối với công việc và cuộc sống cá nhân.

16.2. Kỹ năng nghề nghiệp - CN Sợi, dệt (Chuyên gia)

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1(15, 0, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kỹ năng nghề nghiệp trong ngành công nghệ dệt là học phần kiến thức bổ trợ của chương trình đào tạo đại học ngành công nghệ dệt. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về:

- Quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm cơ - lý - hóa của ngành dệt.

- Lựa chọn và sử dụng các thiết bị, dụng cụ, hóa chất, vật tư trong phòng thí nghiệm.

- Phương pháp lấy mẫu, một số tiêu chuẩn, quy chuẩn trong thí nghiệm vật liệu dệt.

16.3. Kỹ năng Phỏng vấn xin việc

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (12, 6, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Điều kiện khác:* Giảng dạy cho sinh viên năm cuối chuẩn bị khi ra trường

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kỹ năng phỏng vấn và xin việc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kế toán và tài chính ngân hàng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức của kỹ năng phỏng vấn và tìm việc hiệu quả như: (Khái niệm, tầm quan trọng, nguyên nhân, qui trình, nguyên tắc, yêu cầu, kỹ thuật viết CV, kỹ thuật trả lời câu hỏi, các dạng câu hỏi trong phỏng vấn) và các kỹ năng cơ bản gồm kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và viết CV; Kỹ năng chuẩn bị cho bản thân khi phỏng vấn; kỹ năng trả lời câu hỏi hiệu quả; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng tự học, kỹ năng nghiên cứu vấn đề.

17. Giáo dục thể chất

17.1. Giáo dục thể chất 1

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1(2,26,30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 1 (điền kinh 1) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Lịch sử hình thành và phát triển môn điền kinh, thể dục cơ bản; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý chấn thương trong thể thao. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện nội dung chạy ngắn. Kỹ năng vận động môn chạy ngắn (100m), thể dục tay không 45 động tác, bài tập hỗ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy ngắn, phát triển thể lực ; phát triển thể lực chung và chuyên môn chạy ngắn.

17.2. Giáo dục thể chất 2

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1(2,26,30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Giáo dục thể chất 1 (điền kinh 1)

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 2 (điền kinh 2) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của chạy bền đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện chạy bền. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện chạy cự ly trung bình (800m-nữ, 1500m- nam). Kỹ năng vận động chạy cự ly trung bình, thể dục tay không 40 động tác, bài tập hỗ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy cự ly trung bình, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung.

17.3. Giáo dục thể chất 3

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1(2,26,30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 2)

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 3 (cầu lông 1) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết lợi ích tác dụng của tập luyện cầu lông, một số điều luật thi đấu cầu lông. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện kỹ thuật cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đánh cầu bên phải, trái thấp tay, phát cầu trái tay, phát cầu thuận tay. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện

cầu lông. Học phần này là tiền đề để giảng dạy và học tập học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2).

17.4. Giáo dục thể chất 4

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập*: 1(2,26,30)
- *Học phần tiên quyết*: Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 1)
- *Học phần học trước*: Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 1)

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức; Biết một số điều luật thi đấu cầu lông; chiến thuật đánh đơn, đôi trong thi đấu cầu lông; cách thức tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đập cầu chính diện, phong cầu. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông.

18. Giáo dục quốc phòng

Số TC: 8

18.1. Giáo dục quốc phòng HP 1

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (37,16,0)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt nam là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức chung nhằm trang bị những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân, có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự, kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.

18.2. Giáo dục quốc phòng HP 2

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(22, 16, 0)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Giáo dục quốc phòng HP 1

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và

đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường, an toàn giao thông, xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, vi phạm pháp luật trên không gian mạng và an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

18.3. Giáo dục quốc phòng HP 3

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1(7, 16, 0)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Giáo dục quốc phòng HP 1, HP 2.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần 3. Quân sự chung gồm các nội dung: Các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Hiểu biết các quân, binh chủng trong quân đội; Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự; Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao và Ba môn quân sự phối hợp.

18.4. Giáo dục quốc phòng HP 4

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(22, 16, 0)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Giáo dục quốc phòng HP 1, HP 2 và Hp3.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK và luyện tập bắn súng AK bài 1b; luyện tập ném lựu đạn bài 1; huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh: các tư thế vận động trên chiến trường, cách quan sát phát hiện mục tiêu, lợi dụng địa hình, địa vật, hành động của cá nhân trong công sự, ngoài công sự trong chiến đấu tiến công và phòng ngự. Nội dung bao gồm: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; ném lựu đạn bài 1; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

11.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (95 TC)

11.2.1. Kiến thức cơ sở ngành (15 TC)

1. Kỹ thuật điện

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ thuật điện trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

Mạch điện: Kiến thức cơ bản về 2 định luật Kirhof, các phương pháp phân tích mạch: biến đổi tương đương, phương pháp nhánh – dòng - thế nút. Áp dụng số phức để giải bài toán xác lập điều hòa, mạch hỗ cảm, mạch ba pha đối xứng và không đối xứng.

Máy điện: các kiến thức cơ bản về máy biến áp, máy điện một chiều, máy điện xoay chiều không đồng bộ và đồng bộ. Nội dung bao gồm cấu tạo, nguyên lí làm việc, từ trường trong máy điện, các quan hệ điện từ, các đặc tính làm việc cơ bản, ưu nhược điểm của các máy điện thông dụng và những ứng dụng của chúng trong công nghiệp và dân dụng.

2. Cơ kỹ thuật - Vẽ kỹ thuật

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36, 18, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Cơ kỹ thuật - Vẽ kỹ thuật là học phần kiến thức cơ sở ngành, gồm có hai nội dung cơ bản là Cơ kỹ thuật và Vẽ kỹ thuật. Học phần này nằm trong chương trình đào tạo đại học khối ngành kỹ thuật. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các tiêu chuẩn Việt Nam về bản vẽ kỹ thuật, đồ thức, bản vẽ hình chiếu trục đo, bản vẽ chi tiết, những quy ước biểu diễn các chi tiết máy tiêu chuẩn, đọc, hiểu và vẽ tách các chi tiết từ một số bản vẽ lắp thông dụng; cũng như tính toán độ bền vật liệu và các chi tiết máy.

3. Tự động hóa

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần tự động hóa trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Cơ sở của của điều khiển tự động.

- Đặc tính động học của các phần tử điển hình.

- Nghiên cứu ổn định của hệ thống điều khiển tự động.

- Nghiên cứu chất lượng của hệ thống điều khiển tự động.

- Tổng hợp hệ thống điều khiển tự động.

- Thiết bị điều khiển logic khả trình và ứng dụng của nó
- Tự động hoá quá trình công nghệ.

4. Kỹ thuật nhiệt

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* Vật lý
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kỹ thuật nhiệt là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ Cơ khí, Dệt sợi. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Các quá trình chuyển hoá qua lại giữa cơ năng và nhiệt năng, các kiến thức cơ bản về các quá trình nhiệt động; định luật nhiệt động 1 và 2; hơi nước và không khí ẩm; các chu trình nhiệt động (thuận, ngược chiều) và các phương thức, thiết bị trao đổi nhiệt.

5. Thông gió

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* Vật lý, Kỹ thuật nhiệt.
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về không khí, về tính toán và xử lý nhiệt, ẩm, lượng chất độc hại toả ra trong nhà, trên cơ sở đó xác định lưu lượng khí cần thiết để khử nhiệt thừa, hơi nước và khí độc hại toả ra trong gian phòng. Đồng thời học phần cũng nêu lên một số giải pháp tổ chức thông gió và điều hoà không khí, phương pháp lọc bụi và tiêu âm để tạo môi trường không khí trong sạch và có chế độ nhiệt, ẩm phù hợp với điều kiện thực tế.

6. Dung sai kỹ thuật đo

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Dung sai – Kỹ thuật đo thuộc khối kiến thức cơ sở ngành chương trình đào tạo sinh viên khối ngành kỹ thuật. Học phần Dung sai – Kỹ thuật đo là học phần bắt buộc, cung cấp kiến thức và kỹ năng ứng dụng cho sinh viên về: Tính đổi lẫn chức năng; Dung sai - lắp ghép các mối ghép cơ bản như: mối ghép hình trụ trơn, ổ lăn, then-then hoa, bánh răng... ; Cách chọn các kiểu lắp ghép và cách ghi kí hiệu lắp ghép trên bản vẽ kỹ thuật; Kiến thức đo lường Cơ khí, từ đó biết cách sử dụng một số dụng

cụ đo thông dụng như thước lá, thước cặp, pan-me, các loại ca-líp, dưỡng.. làm cơ sở tiếp cận với những thiết bị đo có độ chính xác cao.

7. Hóa phân tích

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Hóa cơ bản

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo đại học ngành dệt. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: cân bằng hoá học trong các loại dung dịch: axit, bazơ; phức cũng như trong phản ứng kết tủa, kỹ năng phân tích định tính và định lượng mẫu; biết chọn phương pháp phù hợp với từng loại mẫu cụ thể.

11.2.2. Kiến thức chung của ngành (80 TC)

Kiến thức bắt buộc

1. Vật liệu dệt

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36,18,90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Vật lý, hóa cơ bản.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: nguồn gốc, cấu tạo, tính chất cơ, lý, hóa của nguyên liệu dệt; phân biệt các trạng thái tồn tại của vật liệu dệt; vận dụng tính chất cơ bản nguyên liệu dệt vào các quá trình công nghệ ngành dệt sợi.

2. An Toàn ngành Dệt

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Kỹ thuật điện, vật lý

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác bảo hộ lao động, đặc điểm và những yếu tố ảnh hưởng đến an toàn sản xuất ngành sợi, dệt, vệ sinh công nghiệp, phòng cháy chữa cháy, kỹ thuật an toàn khi sử dụng các thiết bị ngành sợi, dệt, nhuộm.

3. Thuốc nhuộm & chất trợ hoá học

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Hóa học cơ bản, Hóa phân tích, Vật liệu dệt

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: đặc điểm, tính chất, phạm vi sử dụng các loại hoá chất thông dụng, chuyên dụng trong ngành dệt; bản chất của màu sắc; đặc điểm, tính chất và phạm vi ứng dụng của một số loại thuốc nhuộm phổ biến.

4. Nguyên lý kéo sợi

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36,18,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Vật liệu dệt;

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Nguyên lý kéo sợi cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý sản xuất sợi tại các công đoạn của dây chuyền sản xuất: nguyên lý xé trộn và làm sạch xơ, nguyên lý phân chải, nguyên lý làm đều, nguyên lý kéo dài, nguyên lý xe sẵn, nguyên lý cuốn ống.

5. Cấu tạo vải

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36,18,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Vật liệu dệt;

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Cấu tạo vải là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ sợi, dệt. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo và một số tính chất của kiểu dệt vải dệt thoi (kiểu dệt cơ bản, biến đổi, liên hợp), của kiểu đan vải dệt kim (kiểu đan cơ bản, kiểu đan dẫn xuất); hình mắc máy của kiểu dệt vải dệt thoi.

6. Công nghệ thiết bị kéo sợi

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36,18,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Vật liệu dệt; nguyên lý kéo sợi.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Công nghệ và thiết bị kéo sợi cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy trình công nghệ và thiết bị kéo sợi từ xơ bông, xơ hóa học cắt ngắn.

7. Công nghệ vải không dệt

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Vật liệu dệt;

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các loại vải không dệt; nguyên liệu, tính chất và phạm vi ứng dụng của vải không dệt. Các phương pháp và quá trình công nghệ tạo thành sản phẩm vải không dệt.

8. Công nghệ và thiết bị chuẩn bị dệt

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Vật liệu dệt; Thuốc nhuộm và chất trợ hóa học.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về các chức năng, nhiệm vụ, cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các bộ phận chính trên các thiết bị ở mỗi công đoạn chuẩn bị dệt; Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến kết cấu, chất lượng và độ đứt sợi của các cuộn bán thành phẩm trong mỗi công đoạn chuẩn bị dệt.

9. Công nghệ và thiết bị dệt vải dệt thoi

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36,18,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Vật liệu dệt; Công nghệ & thiết bị chuẩn bị dệt;

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Công nghệ và thiết bị dệt vải dệt thoi là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ sợi, dệt. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về nhiệm vụ, cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các bộ phận chủ yếu trên các máy dệt vải dệt thoi; một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng vải dệt thoi.

10. Công nghệ và thiết bị dệt vải dệt kim

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36,18,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Vật liệu dệt

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Công nghệ và thiết bị dệt vải dệt kim là học phần thuộc khối kiến thức chung thuộc chương trình đào tạo đại học của ngành Công nghệ sợi, dệt. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình công nghệ

sản xuất vải dệt kim đan ngang và đan dọc, cấu tạo của các bộ phận chủ yếu của máy dệt kim đan ngang và đan dọc, các thông số kỹ thuật của máy dệt kim đan ngang và đan dọc.

11. Công nghệ và thiết bị hoá học làm sạch VLD

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36,18,90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* vật liệu dệt; Thuốc nhuộm và chất trợ hóa học.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về; công nghệ hóa học làm sạch vật liệu dệt (các mặt hàng sợi, vải dệt thoi, dệt kim) có nguồn gốc từ xơ thực vật, xơ động vật, xơ hoá học và mặt hàng từ xơ pha trộn. Những kiến thức về nguyên lý, cấu tạo tác dụng các bộ phận chính của thiết bị được sử dụng trong công nghệ hóa học làm sạch vật liệu dệt.

12. Công nghệ và thiết bị nhuộm

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36,18,90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Thuốc nhuộm và chất trợ hóa học; Công nghệ & thiết bị làm sạch hóa học;

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về; Đặc điểm tính chất của các loại thuốc nhuộm. Phối ghép màu thuốc nhuộm. Thành phần, tác dụng các chất trong đơn nhuộm, qui trình công nghệ nhuộm các loại thuốc nhuộm. Cấu tạo tác dụng các bộ phận chính và nguyên lý hoạt động của các loại thiết bị có trong khâu nhuộm.

13. Thiết kế dây chuyền kéo sợi

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36,18,90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Công nghệ & thiết bị kéo sợi

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thiết kế dây chuyền kéo sợi là học phần kiến thức chung của ngành của chương trình đào tạo đại học ngành công nghệ sợi, dệt. Học phần “Thiết kế dây chuyền kéo sợi” cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lựa chọn nguyên liệu, hệ thống thiết bị kéo sợi, tính toán tiêu hao nguyên liệu, thiết kế công nghệ và tính toán các thông số trong dây chuyền kéo sợi.

14. Thiết kế dây chuyền dệt vải

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36,18,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Công nghệ & thiết bị chuẩn bị dệt; Công nghệ & thiết bị dệt.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Thiết kế dây chuyền dệt vải dệt thoi là học phần chung thuộc chương trình đào tạo đại học ngành công nghệ sợi, dệt. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để tính toán thiết kế một dây chuyền sản xuất cho một mặt hàng vải dệt thoi: phân tích mặt hàng, thiết kế vải, lựa chọn thiết bị dây chuyền sản xuất vải và tính toán các thông số thiết kế, lập kế hoạch sản xuất.

15. Thiết kế dây chuyền nhuộm

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36,18,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Công nghệ & thiết bị làm sạch hóa học; Công nghệ & thiết bị nhuộm.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thiết kế dây chuyền nhuộm là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành công nghệ Dệt. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về:

- Nhiệm vụ, thuyết minh công tác thiết kế một dây chuyền sản xuất ngành nhuộm.
- Lựa chọn nguyên liệu, tính toán tiêu hao nguyên liệu và hệ thống thiết bị nhuộm.
- Thiết kế công nghệ và tính toán dây chuyền nhuộm.
- Tổ chức kiểm tra định mức kỹ thuật.

16. Kiểm tra chất lượng sản phẩm ngành dệt

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36,18,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Công nghệ & thiết bị kéo sợi; Công nghệ & thiết bị dệt, Công nghệ & thiết bị làm sạch hóa học.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Nội dung học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về bán thành phẩm và thành phẩm trong các công đoạn gia công sợi, dệt, nhuộm; các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng sản phẩm sợi, dệt, nhuộm hiện nay ở Việt Nam.

17. Thực tập Công nghệ sợi

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0,120,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Nguyên lý kéo sợi, Công nghệ & thiết bị kéo sợi.
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Thực tập công nghệ sợi là học phần thuộc khối kiến thức chung của ngành theo chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ sợi, dệt.
- Học phần tìm hiểu các kiến thức đã học ở học phần lý thuyết: qui trình công nghệ, thiết bị của các máy trong dây chuyền kéo sợi tại doanh nghiệp;
- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thực hành cơ bản về: các thao tác cơ bản khi vận hành các máy xé đập, chải, ghép, kéo sợi thô, kéo sợi con, ống, đầu, xe.

18. Thực tập Công nghệ dệt

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0,120,60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Thực tập công nghệ dệt là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ sợi, dệt. Học phần rèn luyện cho sinh viên những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn về công nghệ dệt vải dệt thoi, dệt vải dệt kim tại doanh nghiệp.

19. Thực tập Công nghệ nhuộm

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0,120,60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Công nghệ & thiết bị hóa học làm sạch vật liệu dệt, Công nghệ & thiết bị nhuộm.
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn về công nghệ tiền xử lý, nhuộm trong doanh nghiệp bao gồm: công nghệ tiền xử lý, công nghệ nhuộm gián đoạn, nhuộm liên tục vải, sợi bông và các loại vật liệu khác bằng các thuốc nhuộm khác nhau.

20. Công nghệ sản xuất chỉ khâu

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36,18,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Công nghệ và thiết bị kéo sợi, thuốc nhuộm và chất trợ hóa học; Công nghệ & Thiết bị nhuộm.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung học phần bao gồm các kiến thức về: Mục đích và nguyên lý chung sản xuất chỉ khâu. Các loại nguyên liệu dùng trong sản xuất chỉ khâu. Các phương pháp, quá trình sản xuất chỉ khâu như: chuẩn bị sợi để xe, các kỹ thuật xe sợi làm chỉ. Các tính chất cơ lý của chỉ khâu. Quá trình nhuộm, hoàn tất chỉ khâu và kỹ thuật đánh cuộn chỉ khâu.

21. Thực tập thiết kế cấu tạo vải

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(0,120,60)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* Vật liệu dệt, an toàn lao động ngành dệt, cấu tạo vải cấu tạo vải phức tạp, kiểm tra chất lượng sản phẩm ngành dệt, công nghệ và thiết bị dệt vải dệt thoi
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thực tập thiết kế cấu tạo vải là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ sợi, dệt. Học phần rèn luyện cho sinh viên những kiến thức căn bản về cấu tạo vải và những ứng dụng thực tiễn vào phân tích thiết kế các mặt hàng vải tại doanh nghiệp.

22. Thực tập Công nghệ sản xuất chỉ khâu

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(0,120,60)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* Công nghệ hóa học làm sạch vật liệu dệt, Công nghệ nhuộm, Công nghệ và Thiết bị kéo sợi
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức cơ bản và những ứng dụng thực tiễn về quá trình sản xuất chỉ khâu trong doanh nghiệp bao gồm: công nghệ kéo sợi tạo chỉ, công nghệ nhuộm, quá trình đánh cuộn, công nghệ hoàn tất chỉ khâu.

23. TCSX và QL chất lượng sản phẩm ngành dệt

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36,18,90)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* CN và thiết bị kéo sợi, CN và thiết bị dệt thoi, CN và thiết bị dệt kim, CN&thiết bị LSHH vật liệu dệt, CN và thiết bị Nhuộm.
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các khái niệm và phương pháp cơ bản trong tổ chức sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm tại doanh nghiệp. Từ đó có khả năng tổ chức sản xuất, có phương thức phù hợp với thực tế sản xuất của ngành công nghệ dệt.

24. Công nghệ và thiết bị in hoa, xử lý hoàn tất

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập*: 4(52,16,120)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Công nghệ & Thiết bị hóa học làm sạch VLD; công nghệ nhuộm.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về; công nghệ và thiết bị in hoa - xử lý hoàn tất các mặt hàng vải dệt thoi, vải dệt kim, từ các xơ, sợi có nguồn gốc thiên nhiên và hoá học.

25. Đồ án sợi, dệt

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 120, 0)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Vật liệu dệt, an toàn lao động ngành dệt, cấu tạo vải cấu tạo vải phức tạp, nguyên lý kéo sợi, công nghệ và thiết bị kéo sợi, kỹ thuật kéo sợi mới, kiểm tra chất lượng sản phẩm ngành dệt, công nghệ và thiết bị chuẩn bị dệt, công nghệ và thiết bị dệt vải dệt thoi

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Đồ án sợi, dệt là học phần bắt buộc trong nhóm học phần thực tập chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành công nghệ sợi, dệt. Học phần đồ án sợi, dệt trang bị cho sinh viên nội dung và phương pháp tính toán thiết kế mặt hàng sợi, vải cụ thể.

26. Đồ án nhuộm

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (0,120, 0)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: CN&TB hóa học làm sạch VLD, CN&TB nhuộm và CN&TB In hoa XLHT vật liệu dệt, Thực tập CN nhuộm.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần đồ án nhuộm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: thiết kế mặt bằng sản xuất, quy trình công nghệ gia công các mặt hàng (sơ đồ thiết bị, sơ đồ công nghệ, các thông số kỹ thuật, tính toán tiêu hao vật tư...ngành nhuộm). Sinh viên trước khi học học phần này phải được học các học phần công nghệ hóa học làm sạch vật liệu dệt, công nghệ nhuộm, in hoa & xử lý hoàn tất và thiết bị xử lý hóa học vật liệu dệt.

27. Thí nghiệm vật liệu dệt

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (0, 120, 0)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Vật liệu dệt, CN thiết bị sợi, CN thiết bị dệt thoi, CN thiết bị dệt kim, CN thiết bị làm sạch hóa học vật liệu dệt, CN thiết bị Nhuộm.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức căn bản và những kỹ năng thí nghiệm xác định chỉ tiêu, tính chất của nguyên liệu, bán sản phẩm và sản phẩm có trong các công đoạn Sợi, Dệt, Nhuộm.

Kiến thức tự chọn (chọn 01 trong các học phần)

1. Kỹ thuật kéo sợi mới

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Vật liệu dệt, công nghệ và thiết bị kéo sợi

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần kỹ thuật kéo sợi mới là học phần thuộc khối kiến thức chung của ngành thuộc chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ sợi, dệt. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về các phương pháp kéo sợi mới, cấu trúc sợi, phạm vi ứng dụng và ảnh hưởng của các thông số công nghệ đến chất lượng sợi.

2. Cấu tạo vải phức tạp

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Vật liệu dệt, cấu tạo vải, kiểm tra chất lượng sản phẩm ngành dệt.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Cấu tạo vải phức tạp là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ sợi, dệt. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo của một số loại vải dệt thoi phức tạp và vải dệt kim phức tạp.

Thực Tập Cuối Khóa

Số TC:5

- *Phân bố thời gian học tập*: 5(0,200,100)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kiểm tra chất lượng sản phẩm ngành dệt, thực tập công nghệ sợi, thực tập công nghệ dệt, thực tập thiết kế cấu tạo vải dệt thoi, thực tập công nghệ sản xuất chỉ khâu, thực tập công nghệ nhuộm, tổ chức sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm ngành dệt, thí nghiệm vật liệu dệt.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thực tập cuối khóa là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ sợi, dệt. Học phần tổng hợp các kiến thức đã học ở học phần lý thuyết chuyên ngành Công nghệ sợi, dệt, nhuộm; tìm hiểu các loại mặt hàng đang sản xuất tại doanh nghiệp thực tập, các dữ liệu cần thiết để làm đồ án tốt nghiệp.

Khóa luận tốt nghiệp

Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp

1. Thực tập nâng cao sợi

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(0, 120, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* thực tập công nghệ kéo sợi
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thực tập công nghệ sợi là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ sợi, dệt. Học phần tìm hiểu các kiến thức đã học ở học phần lý thuyết: qui trình công nghệ, thiết bị của các máy trong dây chuyền kéo sợi tại doanh nghiệp thực tập; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận hành các máy trong dây chuyền thuần thực và sửa chữa lớn trong công nghệ.

2. Thực tập nâng cao dệt

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(0, 120, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* thực tập công nghệ dệt
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thực tập nâng cao dệt là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ sợi, dệt. Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản để phân tích, hiệu chỉnh được một số thông số kỹ thuật; nguyên nhân gây ra các dạng lỗi, biện pháp khắc phục, phân cấp vải mộc trong quá trình xuất vải dệt thoi, dệt vải dệt kim.

3. Thực tập nâng cao nhuộm

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(0, 120, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* CN&TB hóa học làm sạch VLD, CN&TB nhuộm và CN&TB In hoa XLHT vật liệu dệt, Thực tập CN sợi, dệt nhuộm.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Rèn luyện, nâng cao kiến thức cho sinh viên và những ứng dụng thực tiễn trong lĩnh vực công nghệ hóa dệt trong doanh nghiệp bao gồm: công nghệ và thiết bị xử lý làm sạch vật liệu dệt, nhuộm gián đoạn, nhuộm liên tục, hoàn tất xử lý vật liệu dệt. Sinh viên hiểu, xây dựng được quy trình dây chuyền sản xuất tiền xử lý, nhuộm gián đoạn, nhuộm liên tục và công nghệ xử lý hoàn tất vật liệu dệt. Thực hiện các chuyên đề trong lĩnh vực công nghệ tiền xử lý, nhuộm màu và hoàn tất vật liệu dệt.

12. Đối sánh chương trình đào tạo

12.1. Đối sánh chuẩn đầu ra với khung trình độ quốc gia Việt Nam

12.1.1. Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	TCTN 3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	TCTN 4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyên tài, phổ biến kiến thức, kỹ	

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
	năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	
	KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	



12.1.2. Đối sánh giữa Chuẩn đầu ra của CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

Khung TĐQG	Chuẩn đầu ra của CTĐT																
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR11	CDR12	CDR13	CDR14	CDR15	CDR16	CDR17
KT1	x		x		x	x	x	x									
KT2		x															
KT3				x													
KT4					x	x	x	x									
KT5						x	x	x									
KN1									x	x	x						
KN2									x	x	x	x	x				
KN3											x	x					
KN4									x	x	x	x					
KN5									x	x	x	x					
KN6													x				
TCTN1																x	
TCTN2															x		x
TCTN3														x		x	
TCTN4															x	x	

12.2. Đối sánh khung chương trình đào tạo

So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

TT	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: sợi, dệt; hệ kỹ sư)			Đại học Bách khoa Hà Nội (Ngành: kỹ thuật dệt; hệ kỹ sư)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	46	29,7%	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	50	30,7%
	<i>1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.</i>	<i>13</i>	<i>8,4%</i>	<i>1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.</i>	<i>12</i>	<i>7,4%</i>
1	1. Triết học Mac-Lênin	3		1. Những NLCB của CN Mac-Lênin I	2	
2	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2		2. Những NLCB của CN Mac-Lênin II	3	
3	3. CNXH Khoa học	2		3. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		4. Đường lối CM của Đảng CSVN	3	
5	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		5. Pháp luật đại cương	2	
6	6. Pháp luật đại cương	2				
	<i>1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản</i>	<i>14</i>	<i>9%</i>	<i>1.2 Kiến thức toán và khoa học cơ bản</i>	<i>32</i>	<i>19,6%</i>
7	1. Toán giải tích	3		1. Toán giải tích 1	3	
8	2. Đại số tuyến tính	2		2. Toán giải tích 2	3	
9	3. Xác suất thống kê	3		3. Toán giải tích 3	3	
10	4. Vật lý	4		4. Đại số	3	
11	5. Hóa học 1	2		5. Xác suất thống kê	2	
12				6. Phương pháp tính	2	
13				7. Vật lý đại cương 1	2	
14				8. Vật lý đại cương 2	2	

TT	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: sợi, dệt; hệ kỹ sư)			Đại học Bách khoa Hà Nội (Ngành: kỹ thuật dệt; hệ kỹ sư)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
15				9. Vật lý đại cương 3	2	
16				10. Tin học đại cương	4	
17				11. Hóa học	3	
18				12. Hóa hữu cơ	3	
	1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ	16	10,3%	1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ	6	3,7%
19	1. Tiếng Anh 1	4		1. Tiếng Anh 1	3	
20	2. Tiếng Anh 2	4		2. Tiếng Anh 2	3	
21	3. Tiếng Anh 3	4				
22	4. Tiếng Anh 4	4				
	2. Kỹ năng bổ trợ (chọn 3TC)	3	2%	2. Kỹ năng bổ trợ	2	1,2%
23	1. Kỹ năng nhận thức năng lực bản thân	1		1. Thực tập kỹ thuật	2	
24	2. Kỹ năng nghề nghiệp - CN Sợi, dệt	1				
25	3. Kỹ năng Phỏng vấn xin việc	1				
26	4. Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2				
	3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	95	61,3%	3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	111	68,1%
	3.1 Kiến thức cơ sở ngành	15	15,8%	3.1 Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành	45	27,6%
27	1. Kỹ thuật điện	2		1. Kỹ thuật điện	2	
28	2. Cơ kỹ thuật - Vẽ kỹ thuật	3		2. Kỹ thuật nhiệt	2	

TT	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: sợi, dệt; hệ kỹ sư)			Đại học Bách khoa Hà Nội (Ngành: kỹ thuật dệt; hệ kỹ sư)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
29	3. Tự động hóa	2		3. Đồ họa kỹ thuật cơ bản	2	
30	4. Kỹ thuật nhiệt	2		4. Sức bền vật liệu	2	
31	5. Thông gió	2		5. Nguyên lý máy	2	
32	6. Dung sai kỹ thuật đo	2		6. Nhập môn kỹ thuật dệt may	3	
33	7. Hóa phân tích	2		7. Tiếng Anh chuyên ngành dệt	3	
34				8. Đồ án thiết kế	3	
35				9. Cấu trúc sợi	2	
36				10. Cấu trúc vải dệt kim	2	
37				11. Cấu trúc vải dệt thoi	2	
38				12. Quản lý sản xuất ngành dệt	2	
39				13. Maketting ngành dệt	2	
40				14. Đại cương Công nghệ sợi dệt	2	
41				15. Thực hành sợi vải	2	
42				16. Vật liệu dệt	4	
43				17. Quản lý chất lượng ngành dệt	2	
44				18. An toàn lao động và môi trường ngành dệt	2	
45				19. Thực hành kiểm tra và phân tích vật liệu dệt may	2	
46				20. Đại cương xử lý hóa học sản phẩm dệt	2	

TT	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: sợi, dệt; hệ kỹ sư)			Đại học Bách khoa Hà Nội (Ngành: kỹ thuật dệt; hệ kỹ sư)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	3.2 Kiến thức ngành	80	84,2%	3.2. Kiến thức chuyên ngành		
				(Modul 1: Chuyên ngành Công nghệ dệt)	58	35,6%
47	1. Vật liệu dệt	3		1. Chuẩn bị dệt	2	
48	2. An Toàn ngành Dệt	2		2. Công nghệ kéo sợi xơ ngắn	4	
49	3. Thuốc nhuộm & chất trợ hoá học	2		3. Công nghệ dệt kim I	3	
50	4. Nguyên lý kéo sợi	3		4. Kỹ thuật dệt thoi	3	
51	5. Cấu tạo vải	3		5. Công nghệ vải không dệt	2	
52	6. Công nghệ thiết bị kéo sợi	3		6. Công nghệ dệt kim II	3	
53	7. Công nghệ vải không dệt	2		7. Đại cương xử lý hóa học sản phẩm dệt	3	
54	8. Công nghệ và thiết bị chuẩn bị dệt	2		8. Kỹ thuật dệt không thoi	2	
55	9. Công nghệ và thiết bị dệt vải dệt thoi	3		9. Đo lường dệt	2	
56	10. Công nghệ và thiết bị vải dệt kim	3		10. Cấu trúc sợi	2	
57	11. Công nghệ và thiết bị hoá học làm sạch VLD	3		11. Thiết kế vải dệt thoi	2	
58	12. Công nghệ và thiết bị nhuộm	3		12. Cấu trúc vải dệt kim phức tạp	2	
59	13. Thiết kế dây chuyền kéo sợi	3		13. Tin học ứng dụng trong công nghiệp dệt	2	
60	14. Thiết kế dây chuyền dệt vải	3		14. Đồ án công nghệ dệt	3	

TT	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: sợi, dệt; hệ kỹ sư)			Đại học Bách khoa Hà Nội (Ngành: kỹ thuật dệt; hệ kỹ sư)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
61	15. Thiết kế dây chuyền nhuộm	3		15. Công nghệ kéo sợi xơ dài	3	
62	16. Kiểm tra chất lượng sản phẩm ngành dệt	3		16. Thực tập tốt nghiệp	3	
63	17. Thực tập Công nghệ sợi	3		17. Đồ án tốt nghiệp kỹ sư	9	
64	18. Thực tập Công nghệ dệt	3		3.3. Kiến thức tự chọn theo modul (chọn 8TC)	8	4,9 %
65	19. Thực tập Công nghệ nhuộm	3		18. Cơ cấu máy dệt	2	
66	20. Công nghệ sản xuất chỉ khâu	3		19. Chuyên đề bông phế	2	
67	21. Thực tập thiết kế cấu tạo vải	3		20. Công nghệ sản xuất vải kỹ thuật	2	
68	22. Thực tập Công nghệ sản xuất chỉ khâu	3		21. Công nghệ sản xuất chỉ may	2	
69	23. TCSX và QL chất lượng sản phẩm ngành dệt	3		22. Cắt may sản phẩm dệt kim	2	
70	24. Công nghệ và thiết bị in hoa, xử lý hoàn tất	4		23. Máy dệt chuyên dùng	2	
71	25. Đồ án sợi, dệt	3				
72	26. Đồ án nhuộm	2				
73	27. Thí nghiệm vật liệu dệt	2				
	3.3. Kiến thức tự chọn (chọn 4 TC)	4	2,6 %			
74	1. Kỹ thuật kéo sợi mới	2				
75	2. Cấu tạo vải phức tạp	2				
76	3. Công nghệ sản xuất sạch hơn	2				

TT	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: sợi, dệt; hệ kỹ sư)			Đại học Bách khoa Hà Nội (Ngành: kỹ thuật dệt; hệ kỹ sư)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
77	4. Động học nhuộm	2				
78	5. Tin ứng dụng ngành dệt	2				
				Modul 2: Chuyên ngành Vật liệu và Công nghệ Hóa dệt	58	35,6 %
79				1. Hóa lý	3	
80				2. Hóa học thuốc nhuộm	3	
81				3. Công nghệ và thiết bị tiên xử lý sản phẩm dệt	2	
82				4. Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học	3	
83				5. Công nghệ và thiết bị nhuộm – in hoa	4	
84				6. Công nghệ và thiết bị hoàn tất sản phẩm dệt may	2	
85				7. Lý thuyết và kỹ thuật đo màu	2	
86				8. Thực hành công nghệ tiên xử lý, nhuộm – in hoa – hoàn tất sản phẩm dệt may	3	
87				9. Động học nhuộm	2	
88				10. Ứng dụng tin học và tự động hoá trong in nhuộm	2	
89				11. Kiểm tra chất lượng sản phẩm nhuộm và hoàn tất	2	
90				12. Quá trình sản xuất xơ sợi nhân tạo	2	
91				13. Phân tích hóa học vật liệu và sản phẩm dệt may	3	

TT	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: sợi, dệt; hệ kỹ sư)			Đại học Bách khoa Hà Nội (Ngành: kỹ thuật dệt; hệ kỹ sư)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
92				14. Thiết kế nhà máy nhuộm – in, hoàn tất sản phẩm dệt	2	
93				15. Đồ án thiết kế nhà máy nhuộm – in, hoàn tất sản phẩm dệt	3	
94				17. Thực tập tốt nghiệp	3	
95				18. Đồ án tốt nghiệp kỹ sư	9	
				3.3. Kiến thức tự chọn theo modul (chọn 8TC)	8	4,9 %
96				19. Vệ sinh trang phục	2	
97				20. Công nghệ hoàn tất da và lông thú	2	
98				21. Chuẩn bị dệt	2	
99				22. Công nghệ vải không dệt	2	
100				23. Cấu trúc sợi	2	
101				24. Thiết kế vải dệt thoi	2	
102				25. Cấu trúc vải dệt kim phức tạp	2	
103				26. Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt may đàn tính cao	2	
	Tổng tín chỉ CTĐT	155	100 %	Tổng tín chỉ CTĐT	163	100 %

13. Hướng dẫn thực hiện

13.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- ✓ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.

- ✓ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- ✓ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Theo Quyết định 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Và các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên.

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

13.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4,5 năm, chia thành 9

kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

o Học kỳ I bao gồm các nội dung:

- Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
- Học tập: 15 tuần

- thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ tết: 2 tuần.
 - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - Thi học kỳ, dự trữ:
 - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ hè.
 - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
 - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
 - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.
- Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long